| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CT**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2022.
V/v "Tranh chấp về ly hôn; nuôi con".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến;

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 289/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc: *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Th B, sinh năm 1983 (có mặt);

Cư trú: Tổ 8, ấp HL 2, thị trấn AC, CT, An Giang.

*2. Bị đơn:* Anh Trần (Quan) Quang M, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ 8, ấp HL 2, thị trấn AC, CT, An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Th B trình bày*:

Chị sống chung với anh Trần (Quan) Quang M từ năm 2002, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Uỷ ban nhân dân thị trấn AC, huyện CT (giấy đăng ký kết hôn số 549/KH ngày 31/12/2002). Sau khi kết hôn, chị về chung sống bên gia đình chồng, sau 01 năm thì vợ chồng cất nhà riêng trên đất của cha mẹ chị. Anh chị chung sống

hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tôn trọng nhau, anh Quang M ít quan tâm đến gia đình, vợ con,…áp lực cuộc sống ngày càng nhiều, quá sức chịu đựng của chị. Từ đó dẫn đến mất tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng và tin tưởng nhau, luôn bất hòa, cuộc sống gia đình không êm ấm và cũng không hạnh phúc, nên đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2021 cho đến nay. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Trần Thị Bích Th, sinh ngày 14/6/2002 và Trần Minh Đ, cùng sinh ngày 17/11/2004. Hiện con đang sống chung với chị, sau khi ly hôn, con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị Th B yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quang M; Về con chung, do cháu Đ có nguyện vọng được sống với mẹ nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Trần Quang M:* Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng anh M đều vắng mặt không lý do. Qua chứng cứ thu thập được thì anh Trần Quang M có nơi cư trú tại tổ 8, ấp HL 2, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh An Giang; Hiện tại anh Trần Quang M không thường xuyên có mặt tại địa phương và không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th B.

Tại phiên tòa:

- Chị Th B xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh M; Về con chung chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh M: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Th B, giải quyết cho chị Th B được ly hôn với anh Quang M; về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Minh Đ cho chị Th B tiếp tục nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th B không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Th B phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Th B và anh Quang M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 12 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn AC, huyện CT nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị Th B và anh M phát sinh mâu thuẫn, nên chị Th B yêu cầu ly hôn với anh M. Anh M có hộ khẩu thường trú ở ấp HL 2, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang.

Anh Trần Quang M là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th B xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khi cưới 01 năm vợ chồng đã có nhà riêng, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị Th B yêu cầu được ly hôn với anh M.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị Th B và anh M đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Tại Biên bản xác minh ngày 09/5/2022 thể hiện anh M thường xuyên vắng mặt tại địa phương, quá trình giải quyết anh M không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng mà phía chị Th B nêu ra. Mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh M vẫn không có văn bản thể hiện ý kiến hay có nguyện vọng là muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị Th B. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị Th B và anh M đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Th B là được ly hôn với anh Trần Quang M.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Chị Trần Thị Th B thừa nhận 02 cháu tên Trần Thị Bích Th, sinh ngày 14/6/2002 và Trần Minh Đ, sinh ngày 17/11/2004 là con chung của chị và anh Trần Quang M, mặt khác giấy khai sinh của các cháu cũng đã thể hiện rõ điều này, do đó cần công nhận 02 cháu Trần Thị Bích Th, Trần Minh Đ là con chung của chị Th B và anh M, hiện do chị Th B nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Trần Thị Th B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh, chị không còn sống chung nữa thì cháu Trần Thị Bích Th và cháu Trần Minh Đ đều do chị Th B nuôi

dưỡng, chăm sóc, đồng thời Tòa án đã tiến hành lấy lời khai đối với cháu Minh Đ thì cháu có nguyện vọng được sống với chị Th B (BL số 40). Do đó, để ổn định tâm lý và đảm bảo phát triển cuộc sống cho các cháu nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Th B là được tiếp tục nuôi cháu Trần Minh Đ, riêng cháu Trần Thị Bích Th hiện đã trưởng thành.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Th B không yêu cầu anh Trần Quang M cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

Anh Trần Quang M có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Các bên tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chị Trần Thị Th B có yêu cầu ly hôn với anh Trần Quang M nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

- *Xử*:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Th B được ly hôn với anh Trần Quang (Quan) M. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 549/KH ngày 31/12/2002 do Uỷ ban nhân dân thị trấn AC (huyện CT, An Giang) cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Công nhận 02 cháu tên Trần Thị Bích Th, sinh ngày 14/6/2002 và Trần Minh Đ, sinh ngày 17/11/2004 là con chung của chị Trần Thị Th B và anh Trần Quang (Quan) Minh;

+ Cháu Trần Thị Bích Th, sinh ngày 14/6/2002 hiện đã trưởng thành;

+ Tiếp tục giao cháu Trần Minh Đ cho chị Trần Thị Th B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện cháu Trần Minh Đ đang sống chung với

chị Th B); Anh Trần Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị Th B do chị Th B không yêu cầu;

+ Chị Trần Thị Th B cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Quang M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Th B phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0002766 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, An Giang, được khấu trừ nên chị Trần Thị Th B đã nộp xong.

5. Chị Trần Thị Th B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Trần Quang M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.CT;
- Chi cục THADS.CT;
- UBND thị trấn AC;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Mỹ Linh**